

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI AN SƠN**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI AN SƠN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: AN SON MANUFACTURING AND TRADING SERVICES JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: AN SON MANUFACTURING AND TRADING SERVICES.,JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108232278

**3. Ngày thành lập:** 13/04/2018

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Tổ dân phố Hoàng Văn Thụ 6, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                      | Mã ngành |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Dịch vụ liên quan đến in                                                                                                       | 1812     |
| 2.  | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                          | 4321     |
| 3.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí                                                                | 4322     |
| 4.  | Bán buôn đồ uống                                                                                                               | 4633     |
| 5.  | Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép                                                                                           | 4641     |
| 6.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                                                                                             | 4649     |
| 7.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                | 4659     |
| 8.  | Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh<br>(Trừ loại nhà nước cấm)                            | 4761     |
| 9.  | Hoạt động dịch vụ tài chính khác chưa được phân vào đâu (trừ bảo hiểm và bảo hiểm xã hội)<br>Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư | 6499     |
| 10. | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br>Chi tiết: Tư vấn, môi giới, quản lý bất động sản          | 6820     |
| 11. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu                                                        | 8299     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                      |             |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 12. | Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: - Hoạt động phiên dịch<br>- Hoạt động môi giới bản quyền ( sắp xếp cho việc mua và bán bản quyền )<br>- Hoạt động môi giới thương mại;                                                          | 7490        |
| 13. | Sản xuất bao bì bằng gỗ                                                                                                                                                                                                                                                              | 1623        |
| 14. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>(Trừ loại nhà nước cấm)                                                                                                                                                                                                         | 4669        |
| 15. | Cửa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ                                                                                                                                                                                                                                                       | 1610        |
| 16. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                                                                                                                                                       | 4329        |
| 17. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                       | 4330        |
| 18. | Đại lý, môi giới, đấu giá<br>Chi tiết: Đại lý, môi giới (Trừ hoạt động đấu giá)                                                                                                                                                                                                      | 4610        |
| 19. | Bán buôn thực phẩm                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4632        |
| 20. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                                                  | 4651        |
| 21. | Sản xuất đồ gỗ xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                              | 1622        |
| 22. | Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện                                                                                                                                                                                             | 1629        |
| 23. | In ấn                                                                                                                                                                                                                                                                                | 1811(Chính) |
| 24. | Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế                                                                                                                                                                                                                                                        | 3100        |
| 25. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác<br>Chi tiết: Công trình dân dụng;<br>- Công trình công nghiệp;<br>- Công trình giao thông;<br>- Công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn;<br>- Công trình hạ tầng kỹ thuật;<br>- Thi công, lắp đặt hệ thống phòng cháy và chữa cháy | 4290        |
| 26. | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4311        |
| 27. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4312        |
| 28. | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                                                                                                                                                                  | 4390        |
| 29. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                                                   | 4652        |
| 30. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                                                                                                                              | 4663        |
| 31. | Bán buôn tổng hợp<br>(Trừ loại nhà nước cấm)                                                                                                                                                                                                                                         | 4690        |

**6. Vốn điều lệ:** 1.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông     | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức          | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|-----------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | VŨ THỊ HOA      | Thôn Đồi Chè, Xã Phú Lộc, Huyện Nho quan, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam                            | Cổ phần phổ thông | 30.000     | 300.000.000           | 30,000    | 037184002666                                                                                |         |
|     |                 |                                                                                               | Tổng số           | 30.000     | 300.000.000           | 30,000    |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                               |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | VŨ TRỌNG SON    | Tổ dân phố 32, Phường Hoàng Diệu, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam               | Cổ phần phổ thông | 50.000     | 500.000.000           | 50,000    | 034084002275                                                                                |         |
|     |                 |                                                                                               | Tổng số           | 50.000     | 500.000.000           | 50,000    |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                               |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 3   | TRẦN THANH THỦY | Số 35, ngõ 102 Tô Vĩnh Diện, Phường Khương Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông | 20.000     | 200.000.000           | 20,000    | 013117632                                                                                   |         |
|     |                 |                                                                                               | Tổng số           | 20.000     | 200.000.000           | 20,000    |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                               |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |

#### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

#### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: **VŨ THỊ HOA**

Giới tính: *Nữ*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *26/02/1984*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *037184002666*

Ngày cấp: *03/05/2017*

Nơi cấp: *Cục Cảnh Sát ĐKQL cư trú và DLQG về Dân Cư*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Thôn Đồi Chè, Xã Phú Lộc, Huyện Nho quan, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Căn hộ 1510 - CT7J, khu đô thị mới Dương Nội, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**11. Nơi đăng ký:** *Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội*